

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỊNH QUÁN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS-ST

Ngày: 30-9-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Phường

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Quy và bà Trần Thúy Nga

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 361/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc D.

*Địa chỉ:* Phố B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

*Đại diện theo pháp luật:* Bà Bùi Thị Thanh H - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

*Đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị Mỹ L - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 11 năm 2021) (có mặt).

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1982.

*Địa chỉ:* Ấp 3, xã Gia Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc D (do bà Nguyễn Thị Mỹ Linh đại diện) trình bày, tranh luận:*

Bà Nguyễn Thị Ánh T có vay của Ngân hàng TMCP Quốc D (NCB) số tiền 444.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay số 501/16/HĐCV/101-74 ngày 09-8-2016, thời hạn vay 84 tháng, mục đích vay: Mua xe ô tô Chevrolet Cruze, BKS:

60A-305.41, lãi suất trong hạn: + lãi suất kỳ đầu tiên: 9,2%/năm, áp dụng 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên; + Lãi suất kỳ tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào ngày 09 hàng tháng, lãi suất kỳ tiếp theo bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,5%/năm. Mức lãi suất cơ sở nêu trên được NCB thông báo trong từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, trả lãi vay hàng tháng bắt đầu từ ngày 25/9/2016, trả nợ gốc: 01 tháng/kỳ, trong vòng 84 kỳ bắt đầu từ ngày 25-9-2016 (từ kỳ 01 đến kỳ 83 trả 5.285.000 đồng, kỳ 84 trả 5.345.000 đồng).

Để đảm bảo cho khoản vay trên bị đơn đã thế chấp tài sản là: Xe ô tô con, tên chủ sở hữu Nguyễn Thị Ánh T, nhãn hiệu: CHEROLET, số loại: CRUZE, biển số: 60-305.41, màu sơn: Đỏ, số khung: RLLJF696EGH936753, số máy: F16D3161510579, dung tích: 1598 theo Hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số 482/2016/HĐTC/101-74 ngày 09-8-2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng cho đến nay bà Nguyễn Thị Ánh T đã trả được 19/84 kỳ nợ gốc số tiền là 100.482.296 đồng, trả lãi 71.022.255 đồng ngày cuối cùng trả nợ là ngày 14/5/2018, sau đó bị đơn không trả nợ cho đến nay. Tính đến ngày 22-11-2021 bị đơn còn nợ 65 kỳ với số tiền nợ gốc là 343.517.704 đồng (gốc trong hạn: 116.330.000 đồng, gốc quá hạn: 227.160.704 đồng). Nguyên đơn đã nhiều lần thông báo nhắc nợ và đến làm việc trực tiếp với bị đơn yêu cầu trả nợ, tuy nhiên bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Tính đến ngày 22-11-2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh T còn nợ Ngân hàng TMCP Quốc D tổng số tiền 571.451.751 đồng. Trong đó, nợ gốc 343.517.704 đồng, lãi trên nợ gốc 103.650.668 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn 82.979.830 đồng, lãi chậm trả 41.303.548 đồng. Nay Ngân hàng TMCP Quốc D yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh T phải thanh toán tổng số tiền 571.451.751 đồng và yêu cầu bị đơn phải thanh toán phần nợ lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 501/16/HĐCV/101-74 từ ngày 22-12-2020 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Ánh T thanh toán trả số tiền nợ gốc và lãi (tạm tính đến ngày 30-9-2022) là: 627.524.539 đồng (Sáu trăm hai mươi bảy triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm ba mươi chín đồng), trong đó:

- Số tiền nợ gốc là 343.517.704 đồng
- Số tiền lãi trên số nợ gốc (trong hạn) là 110.668.618 đồng
- Số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là: 118.313.754 đồng.
- Số tiền lãi trên số tiền nợ lãi quá hạn là: 55.024.463 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ lãi quá hạn (Số tiền 55.024.463 đồng). Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu xem xét biện pháp bảo đảm, tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi ý

kiến, đề nghị Tòa án xem xét công nhận biện pháp bảo đảm và cho phát mãi tài sản để thu hồi khoản nợ vay.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh T mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử không có ý kiến, vắng mặt tại các phiên hòa giải, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.*

Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bà Nguyễn Thị Ánh T, kết quả xác minh như sau:

*Tại Biên bản xác minh ngày 14-12-2021, Công an xã Gia Canh cung cấp thông tin như sau:* Bà Nguyễn Thị Ánh T có hộ khẩu thường trú tại: Số 171, khu dân cư 3, ấp 3, xã Gia Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, hiện bà T không còn sinh sống tại địa phương mà chuyển về sinh sống tại địa chỉ: Tổ 24, ấp Phú Hòa, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Tại Kết quả xác minh (Theo Phiếu yêu cầu xác minh ngày 10-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi) có nội dung như sau:* Tại Tổ 24, ấp P, xã Phú Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh không có tên đương sự Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1982.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, về tư cách tham gia tố tụng của đương sự, về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục giao, gửi, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 572.500.076 đồng, công nhận biện pháp bảo đảm và đồng ý cho Ngân hàng phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ vay, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu thanh toán số tiền lãi trên số tiền nợ lãi quá hạn số tiền là 55.024.463 đồng. Đề nghị buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

*Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh T thanh toán trả số tiền nợ theo hợp đồng vay tài sản, mục đích vay để mua xe phục vụ sinh hoạt. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ

án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Ngày 27-01-2022, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án, tuy nhiên do cần xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa và ấn định thời gian tiếp tục phiên tòa sau. Hết thời hạn tạm ngừng phiên tòa, lý do tạm ngừng phiên tòa chưa được khắc phục nên Hội đồng xét xử tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đến ngày 29-7-2022, ban hành quyết định tiếp tục giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các thành viên của Hội đồng xét xử có sự thay đổi nên Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử mới, vụ án được tiến hành xét xử lại từ đầu theo hướng dẫn tại Mục 2 và Mục 6 Phần IV Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30-6-2020 của Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Về thông tin địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện: Theo thông tin địa chỉ của được ghi trên Hợp đồng vay tài sản xác lập ngày 09-8-2016 giữa nguyên đơn và bị đơn, thì địa bị đơn bà T có nơi cư trú tại: Ấp A, xã C, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Theo các kết quả xác minh, thì bà T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ đã ghi trong hợp đồng, nhưng hiện nay đã chuyển đi nơi khác sinh sống. Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã Gia Canh, bà T đã đi khỏi nơi cư trú và cung cấp địa chỉ nơi cư trú mới của bà T tại: ấp P, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, kết quả xác minh tại xã Phú Hòa Đông xác định, không có đương sự Nguyễn Thị Ánh T cư trú tại địa chỉ nêu trên. Như vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì Ngân hàng đã ghi đúng và đầy đủ địa chỉ của người bị kiện. Bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[4] Về phương thức cấp, tổng đạt văn bản tố tụng: Để đảm bảo người người bị kiện nhận được thông tin liên quan đến vụ án theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn đã nộp đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự “Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú” đối với bà T, được Tòa án chấp nhận tại Quyết định số 04/2021/QĐST-DS ngày 11-6-2021. Sau đó, Tòa án nhân dân huyện Định Quán tiến hành tổng đạt hợp lệ (niêm yết) các văn bản tố tụng theo khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh T.

[5] Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn bà T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[6] Về thời hiệu: Ngày 14-5-2018, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng vay tài sản, ngày 06-11-2020 Ngân hàng nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Như vậy, yêu cầu của Ngân hàng còn trong thời hiệu 03 năm, kể từ ngày biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm theo quy

định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015. Mặt khác, trong vụ án này không có bên nào yêu cầu áp dụng thời hiệu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng vay tài sản được các bên xác lập ngày 09-8-2016, vì vậy áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để xem xét, giải quyết về nội dung vụ án.

[8] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa: Tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền lãi quá hạn (số tiền 55.024.463 đồng), việc rút đơn của nguyên đơn là tự nguyện nên đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra, tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi ý kiến, yêu cầu công nhận biện pháp bảo đảm và đề nghị được phát mãi tài sản để thu hồi nợ. Xét hợp đồng thế chấp (hợp đồng phụ) là một phần không thể tách rời của hợp đồng vay tài sản (hợp đồng chính), tại đơn khởi kiện nguyên đơn đã có yêu cầu này gắn với yêu cầu thanh toán tiền nợ vay, nên việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, tiếp tục yêu cầu đối với hợp đồng thế chấp là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[9] Về số tiền nợ gốc: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền nợ gốc là 343.517.704 đồng theo Hợp đồng vay tài sản lập ngày 09-8-2016. Xét nội dung các đương sự thỏa thuận về số tiền vay, mục đích vay là tự nguyện, nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, do đó, thỏa thuận vay giữa các bên có hiệu lực pháp luật. Bị đơn bà T đã nhận tiền vay theo Khế ước nhận nợ số số 001/KUNN/501/HĐCV/101-74 ngày 09-8-2016 nhưng vi phạm thanh toán tiền nợ vay theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005:

Khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*

Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay, vi phạm điều khoản thanh toán theo thỏa thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc là 343.517.704 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[10] Về số tiền lãi: Hợp đồng vay tài sản giữa các bên là hợp đồng vay có kỳ hạn và có thỏa thuận về lãi. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi trong hạn và lãi quá hạn là có căn cứ.

[11] Về mức lãi suất được áp dụng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng... thì áp dụng theo quy định của Luật này”*. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định*

*của pháp luật*”. Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận mà không theo quy định về lãi của Bộ luật Dân sự.

Do đó, chấp nhận mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay (tạm tính đến ngày 30-9-2022), cụ thể như sau:

- Số tiền lãi trên số nợ gốc (trong hạn) là 110.668.618 đồng
- Số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là: 118.313.754 đồng.

[12] Về tài sản đảm bảo: Quá trình thỏa thuận vay, bà Nguyễn Thị Ánh T thỏa thuận thế chấp tài sản (hình thành từ vốn vay) là xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Cruze, biển số kiểm soát 60A-305.41 để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng.

[13] Xét hợp đồng thế chấp số 482/2016/HĐTC/101-74 lập ngày 09-8-2016 đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc, thỏa thuận giữa các bên không vi phạm điều cấm của luật. Biên pháp bảo đảm được đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 09-8-2016, đúng theo quy định tại Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm và Thông tư 05/2011/TT-BTP ngày 16-02-2011 của Bộ tư pháp. Do đó, trong trường hợp bà T không thanh nợ gốc và lãi phát sinh, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi khoản nợ vay và lãi phát sinh theo hợp đồng.

[14] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 20.000.000 đồng +  $[(572.500.076 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đ}) \times 4\%] = 26.900.000 \text{ đồng}$ .

[15] Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 244 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 290, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 30 Luật Thương mại năm 2005.

- Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm và Thông tư 05/2011/TT-BTP ngày 16-02-2011 của Bộ tư pháp.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu thanh toán số tiền lãi trên số tiền nợ lãi quá hạn số tiền là 55.024.463 đồng (Năm mươi lăm triệu không trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng) đối với bị đơn.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc D, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh T.

Buộc bà Nguyễn Thị Ánh T có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc D tổng cộng số tiền nợ (tạm tính đến ngày 30-9-2022) là: 572.500.076 đồng (Năm trăm bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn không trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó:

- Số tiền nợ gốc là 343.517.704 đồng;
- Số tiền lãi trên số nợ gốc là 110.668.618 đồng;
- Số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là: 118.313.754 đồng.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm mà bà Nguyễn Thị Ánh T chưa thanh toán số tiền nợ gốc và lãi phát sinh nêu trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc D thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay tài sản số 501/16/HĐCV/101-74 ngày 09-8-2016. *Trường hợp trong hợp đồng vay tài sản, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

3. Về tài sản đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ: Tài sản đảm bảo cho khoản nợ gốc và lãi phát sinh nêu trên là: Xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Cruze, biển số 60A-305.41, số chỗ: 05; màu sơn: Đỏ (GCS) số khung: SLLJF69EGH936753, số máy: F16D3161510579 theo Hợp đồng thế chấp số 482/2016/HĐTC/101-74 lập ngày 09-8-2016.



Trường hợp bà Nguyễn Thị Ánh T không tự nguyện thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc D, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo nêu trên để thu hồi nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Ánh T thanh toán xong nợ và lãi phát sinh mà không cần xử lý tài sản đảm bảo thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc D có nghĩa vụ trả lại bản chính Giấy đăng ký xe ô tô số 023523 của Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt - Công an tỉnh Đồng Nai cho bà Nguyễn Thị Ánh T.

#### 4. Về án phí:

4.1. Bà Nguyễn Thị Ánh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 26.900.000 đồng (Hai mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng).

4.2. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.515.000 đồng (Mười một triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005542 ngày 03-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cẩm Phường**